

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-4-2021.
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Ngọc Phượng;

2/ Ông Nguyễn Danh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Kim Th, sinh năm 1978, có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Phan Hữu Ng, sinh năm 1981, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 37 Võ Nguyên Giáp, tổ 3, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/11/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Kim Th trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị Kim Th và anh Phan Hữu Ng tự nguyện kết hôn với nhau và được UBND xã M, huyện P, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc và thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, về tiền bạc, anh Ng thường xuyên đánh đập, xúc phạm con riêng của chị là cháu Phan Vũ A. Ngoài ra anh còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Năm 2018 và năm 2019 chị Th đã hai lần nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn Ng, nhưng nghĩ về các con chung và được Tòa án hòa giải động viên đoàn tụ, nên chị đã bỏ qua lỗi lầm cho anh Ng, rút đơn khởi kiện. Nhưng sau khi trở lại đoàn tụ thì tình cảm giữa hai người vẫn không được khắc phục, chị Th

và anh Ng đã sống ly thân được 3 (ba) năm. Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã rất trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn, không thể kéo dài thêm được nữa, giữa hai người không còn tình cảm yêu thương, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ng .

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Vũ Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2015 và Phan Vũ Nh, sinh ngày 12/11/2017. Ly hôn chị Th yêu cầu được nuôi 02 con chung. Không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra chị Th có một người con riêng, hiện đang chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu giải quyết về người con riêng này.

- *Tài sản chung*: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không.

Hoàn cảnh gia đình khó khăn phải đi thuê nhà ở, chị Th bán trứng vịt lộn và cháo gà để nuôi 03 con ăn học (01 con riêng của chị Th; 02 con chung với anh Ng). Anh Ng đi làm thuê, công việc thu nhập không ổn định, nên vợ chồng không có tài sản chung là lô đất diện tích 200m² tại xã Đ, thành phố K và số tiền 250.000.000 đồng như lời khai của anh Ng .

*** Ý kiến của bị đơn anh Phan Hữu Ng:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Ng công nhận lời khai của chị Th về mối quan hệ hôn nhân, về con chung, con riêng và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh Ng đồng ý ly hôn chị Th nhưng với điều kiện chị Th phải đồng ý chia tài sản chung là lô đất diện tích 200m² ngang 5m, dài 40m tại xã Đ, thành phố K và số tiền 250.000.000 đồng do vợ chồng tích lũy mà có. Anh Ng đề nghị tài sản chung để lại cho 02 con chung giữa anh Ng với chị Th.

- *Về con chung*: Anh Ng yêu cầu được nuôi 02 con chung.

- *Cấp dưỡng con chung*: Không yêu cầu.

- *Tài sản chung của vợ chồng gồm*: 01 lô đất diện tích 200m², ngang 5m, dài 40m tại xã Đ, thành phố K, đã được cấp GCNQSD đất đứng tên chị Th, hiện chị Th đang cầm giữ GCNQSD đất. Anh Ng không biết địa chỉ của lô đất, không biết chị Th nhận chuyển nhượng đất của ai, anh Ng biết có lô đất là sau khi chị Th nhận chuyển nhượng xong về nói lại với anh như vậy. Trị giá lô đất khi nhận chuyển nhượng nghe chị Th nói là 250.000.000 đồng, trị giá thực tế hiện nay anh không biết. Nguồn tiền mua đất từ thu nhập của hai vợ chồng. Ngoài lô đất thì chị Th đang cầm giữ 250.000.000 đồng tiền mặt là do hai vợ chồng làm tích lũy mà có. Anh Ng yêu cầu toàn bộ tài sản chung để lại cho 02 con chung giữa anh Ng với chị Th. Nợ chung: Không.

*** Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt: HĐXX) nghị án. Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Ng là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ng và chị Th đã kéo dài nhiều năm, ngày càng trầm

trọng, trước đây chị Th đã nộp đơn ra tòa xin ly hôn anh Ng , anh Ng đồng ý ly hôn với điều kiện phải chia tài sản chung của vợ chồng, điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung giữa hai người không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Th đối với anh Ng ; đề nghị giao 02 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét. Về tài sản, anh Ng cho rằng vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu chia, nhưng anh Ng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh vợ chồng có tài sản chung, trong khi đó chị Th cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, nên không có cơ sở xem xét yêu cầu về tài sản của anh Ng , đề nghị tách phần yêu cầu về tài của anh Ng để giải quyết bằng vụ án khác. Chị Th phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Yêu cầu chia tài sản chung của anh Ng thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án hôn nhân gia đình, nên Tòa án tiến hành xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vũ Thị Kim Th và anh Phan Hữu Ng tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Ng là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, về tiền bạc; trước đây chị Th đã nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn anh Ng , vì các con chị đã rút đơn để đoàn tụ vợ chồng, nhưng mâu thuẫn vợ chồng thể khắc phục. Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Chị Th vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh Ng . Anh Ng đồng ý ly hôn chị Th, nhưng với điều kiện chị Th phải đồng ý chia tài sản chung, hai người đã sống ly thân được 3 năm. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ng và chị Th đã rất trầm trọng, đời sống chung giữa hai người không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Th là đúng với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[2] *Về con chung*: Chị Th và anh Ng có hai con chung là Phan Vũ Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2015 và Phan Vũ Nh, sinh ngày 12/11/2017. Chị Th và anh Ng đều yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Th và anh Ng là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên việc giao các con cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng thì cần phải xem xét vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Xét thấy 02 cháu còn nhỏ, hiện đang được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và cần cho các cháu ổn định cuộc sống, nên giao các cháu cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Th không yêu cầu anh Phan Hữu Ng cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] *Tài sản chung*: Anh Ng yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của hai vợ chồng là lô đất diện tích 200m² và số tiền 250.000.000 đồng. Chị Th cho rằng vợ chồng không có tài sản chung này nên không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh Ng. Tòa án đã yêu cầu anh Ng cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh vợ chồng anh có tài sản chung là lô đất diện tích 200m² và số tiền 250.000.000 đồng chị Th đang cầm giữ, nhưng anh Ng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, anh Ng cũng không biết địa chỉ của lô đất, không biết chị Th nhận chuyển nhượng đất của ai. Tòa án đã yêu cầu anh Ng giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai, quan điểm của mình là có căn cứ hợp pháp, nhưng anh Ng không cung cấp được.

Khoản 1, 2, 4 Điều 91 của BLTTDS quy định:

“1. Đương sự yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, trừ các trường hợp:”;

“2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.”;

“4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”.

Như vậy, anh Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh vợ chồng anh có tài sản chung. Do đó không có cơ sở để xem xét yêu cầu chia tài sản chung của anh Ng. Hội đồng xét xử tách yêu cầu này, giành quyền cho anh Ng được khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi anh Ng cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Vũ Thị Kim Th đối với anh Phan Hữu Ng, đề ngày 25/11/2020.

Xử:

1- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị Kim Th được ly hôn anh Phan Hữu Ng.

2- Về con chung: Giao 02 con chung Phan Vũ Quỳnh N, sinh ngày 02/6/2015 và Phan Vũ Nh, sinh ngày 12/11/2017 cho chị Vũ Thị Kim Th trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con 18 tuổi.

Anh Phan Hữu Ng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Vũ Thị Kim Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu số: 0003889 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

4- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tp. KonTum;
- Chi cục THA dân sự tp. KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài